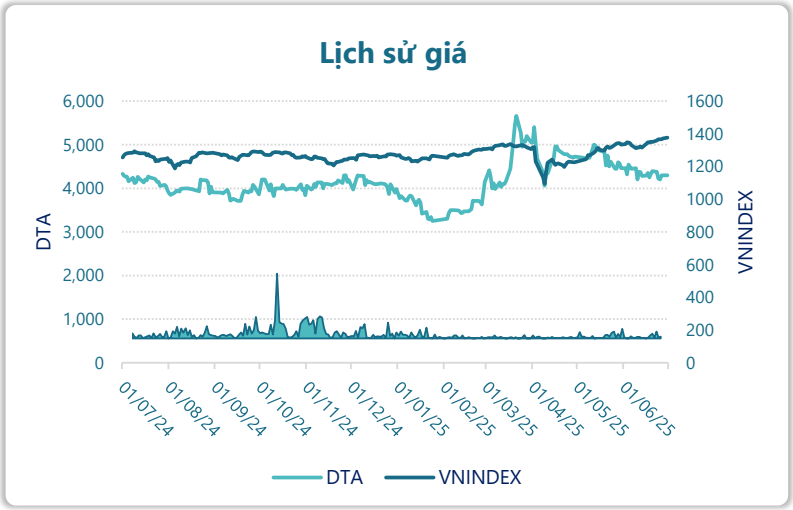
FireAnt

CTCP Đệ Tam (HSX: DTA)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**4,300**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	5,660
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	3,250
SL cổ phiếu LH	18,059,832
KLGD BQ 20 phiên (CP)	21,220
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	78
P/E	66.9
EPS	64

DT thuần

Q2/25

46.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 16.0| 53.4%

YoY: ▲ 9.10| 24.7%

LN sau thuế

Q2/25

0.30

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.21| 237%

YoY: ▼0.59| -66.0%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

6.2%

+/- YoY: ▼ 3.9%

DT thuần

6T 2025

76.1

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 5.50| 7.7%

LN sau thuế

6T 2025

0.39

tỷ VNĐ

YoY: ▼0.62| -61.2%

ROE

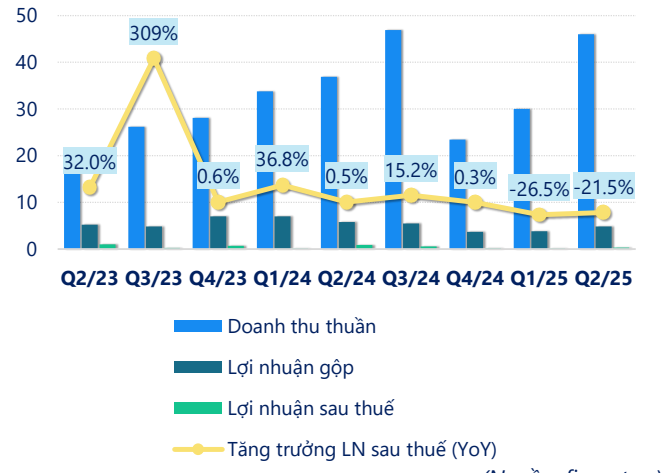
Q2/25

0.6%

+/- YoY: ▼ 0.4%

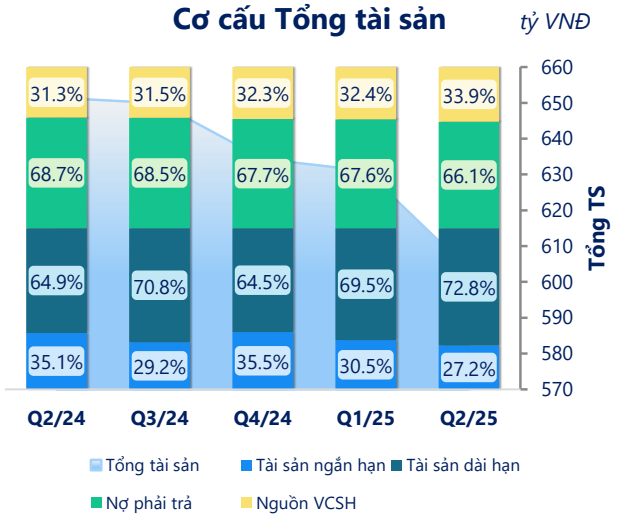
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



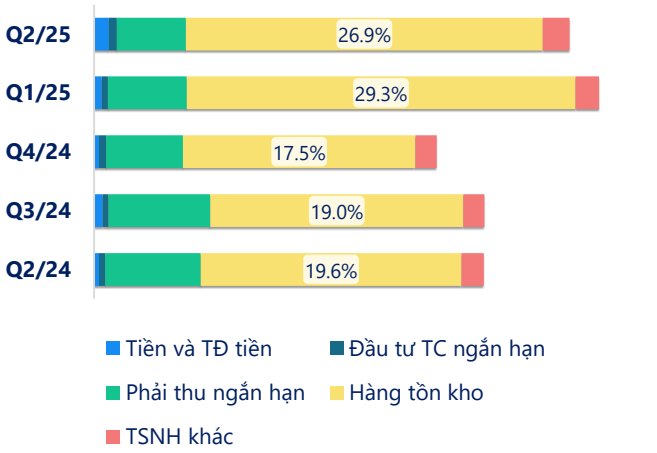
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



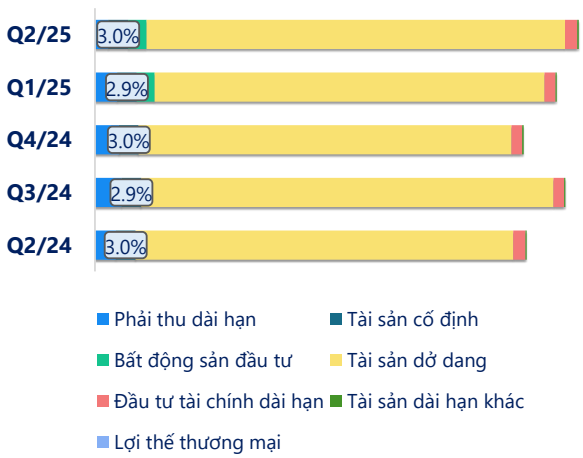
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



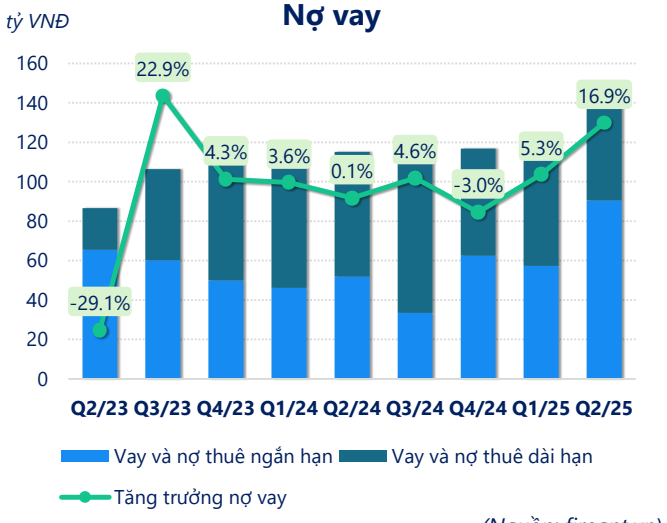
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



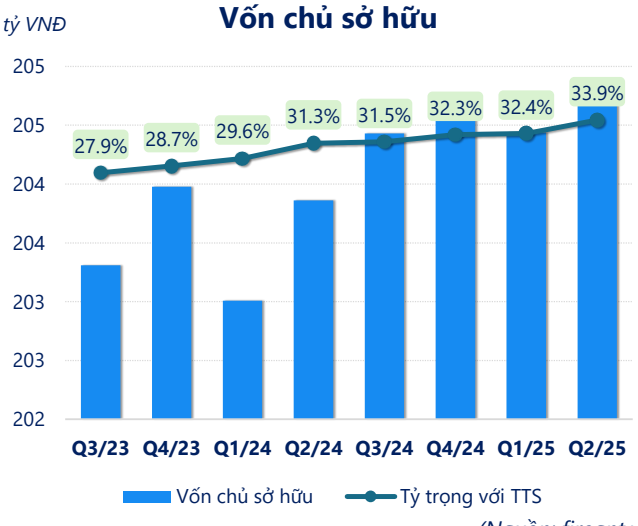
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



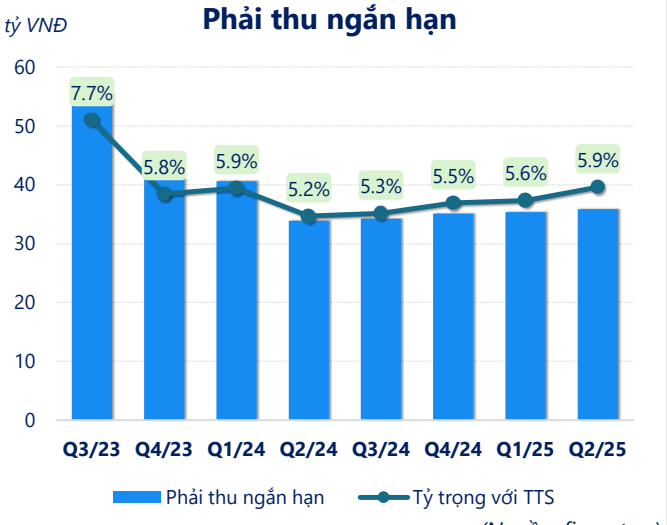
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



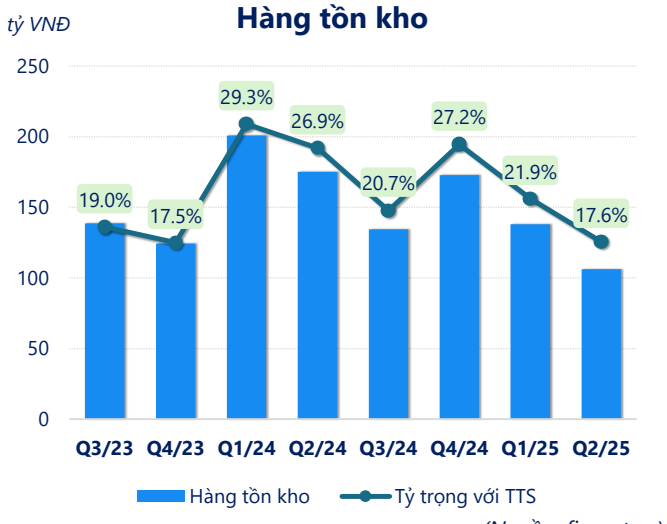
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



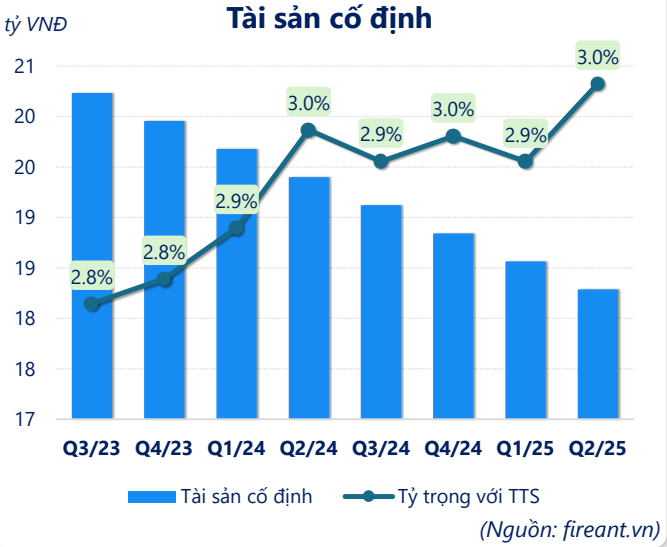
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



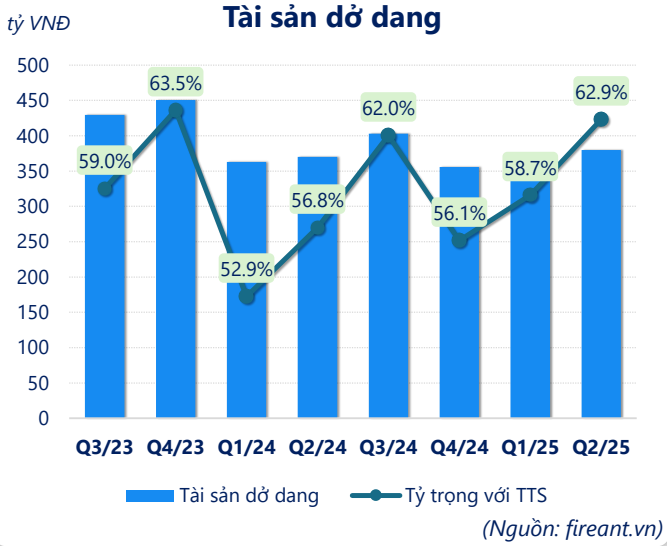
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



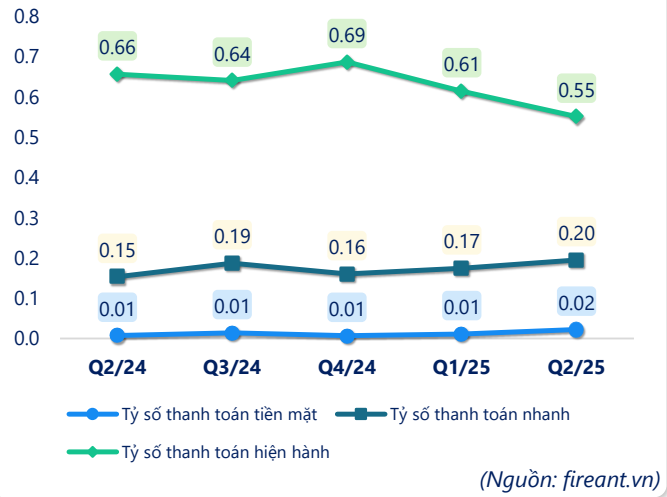
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



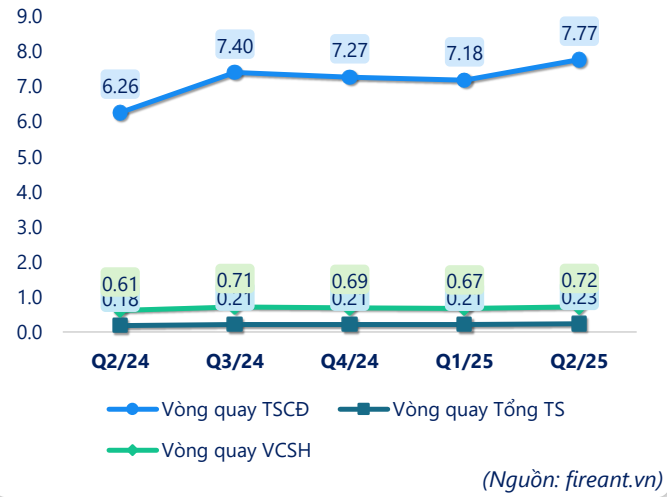
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**651**	**650**	**634**	**631**	**603**
Tài sản ngắn hạn	**228**	**190**	**225**	**193**	**164**
Tiền và tương đương tiền	2.47	4.07	2.29	3.53	6.64
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.93	3.93	3.93	3.93	3.34
Phải thu ngắn hạn	33.9	34.2	35.1	35.3	35.8
Hàng tồn kho	175	134	173	138	106
Tài sản ngắn hạn khác	13.1	13.2	11.2	11.9	12.3
Tài sản dài hạn	**423**	**460**	**409**	**438**	**439**
Phải thu dài hạn	20.4	26.1	22.9	21.1	12.0
Tài sản cố định	19.4	19.1	18.8	18.6	18.3
Bất động sản đầu tư	0	0	0	16.9	16.8
Tài sản dở dang	370	403	356	370	380
Đầu tư tài chính dài hạn	12.0	10.5	10.5	10.5	11.0
Tài sản dài hạn khác	1.27	1.27	1.30	1.34	1.35
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**448**	**445**	**430**	**427**	**399**
Nợ ngắn hạn	**348**	**296**	**328**	**313**	**298**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	51.8	33.5	62.5	57.4	90.6
Phải trả người bán ngắn hạn	24.7	27.0	30.7	33.4	36.7
Nợ dài hạn	99.7	149	102	113	101
Vay và nợ thuê dài hạn	63.3	86.9	54.3	65.6	53.2
Nguồn vốn chủ sở hữu	**204**	**204**	**205**	**204**	**205**
Vốn chủ sở hữu	**204**	**204**	**205**	**204**	**205**
Vốn điều lệ	181	181	181	181	181
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)